TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐG** **TỈNH KON TUM** Số: 12/2019/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ĐG, ngày 20 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y X; sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn KB, xã ĐM, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh A N; sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn BK, xã ĐB, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày để từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y X và anh A N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y X và anh A N thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Trong thời kì hôn nhân, chị Y X và anh A N không có con chung; Tòa án không giải quyết về quan hệ con chung.

- Về quan hệ tài sản:

+ Các đương sự không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung; không có tiền, tài sản nợ chung; không có tiền, tài sản chung. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản.

+ Về khoản nợ riêng: Theo Sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình số 7057549863, mã món vay: 6600000706925108 ngày 24/3/2016 chị Y X và anh A N còn vay nợ Ngân hàng CSXH huyện ĐG tỉnh Kon Tum số tiền vay nợ gốc là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng); công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc cá nhân chị Y X có

trách nhiệm tiếp tục thực hợp đồng vay tiền với Ngân hàng CSXH huyện Đăk Glei trả tiền nợ gốc 12.000.000 và tiền lãi suất theo Sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình số 7057549863, mã món vay nêu trên.

- Về án phí (Thuận tình ly hôn):

Căn cứ Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Chị Y X và anh A N mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách nhà nước. Chị Y X nhận nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh A N. Chị Y X được chuyển số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/0004609 ngày 20 tháng 4 năm 2019 thành tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐGl;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN